

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DS- ST
Ngày: 28/8/2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đới Văn Học

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Phúc
2. Bà Lê Thị Chung

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Bá Cường Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Cường - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2019/TLST- DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-DS ngày 09/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Mai Văn P; sinh năm 1967.

Bà Nguyễn Thị T; sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 131 thôn 4, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn S; sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 56 P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Vh; sinh năm 1978.

Bà Phạm Thị T; sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn 14, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Ông S có mặt tại phiên tòa, vợ chồng bà T, ông V vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, ông Đinh Văn S là người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Văn P, bà Nguyễn Thị

T trình bày: Ngày 27/6/2018, vợ chồng ông P, bà T có cho vợ chồng ông V, bà T vay số tiền 1.050.000.000đ để trả nợ Ngân hàng, hai bên thỏa thuận lãi 1.500đ/1 triệu/ngày và hẹn 05 ngày sau sẽ trả. Khi vay có viết giấy mượn tiền và ký nhận. Đến hẹn vợ chồng ông V, bà T không trả tiền cho ông P, bà T.

Bà T vay tiền của vợ chồng ông P, bà T để đáo hạn Ngân hàng; trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng bà T đã có lần giao tài sản chung của vợ chồng cho ông P, bà T để cản trừ nợ. Tuy nhiên, tài sản này đang thế chấp tại Ngân hàng nên vợ chồng ông P, bà T không đồng ý. Từ đó xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông V, bà T.

Nay yêu cầu vợ chồng ông V, bà T có nghĩa vụ trả cho ông P, bà T số tiền gốc 1.050.000.000đ và tiền lãi trong hạn từ ngày 27/6/2018 đến 02/7/2018 là 5 ngày theo mức lãi 20%/năm thành tiền 2.916.000đ và tiền lãi quá hạn từ 03/7/2018 đến nay tính tròn là 13 tháng theo mức lãi $20\% \times 150\%$ /năm thành tiền tính tròn là 341.250.000đ, tổng lãi là 344.166.000đ nhưng vợ chồng ông P, bà T giảm cho vợ chồng ông V, bà T một phần lãi chỉ tính lãi 300.000.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.350.000.000đ.

Tài liệu chứng cứ: Giấy mượn tiền bản chính ghi ngày 27/6/2018 có chữ ký ghi họ tên bà Phạm Thị T.

Đối với việc bà T trình bày, từ ngày 27/6/2018 đến tháng 12/2018 bà T đã trả cho bà T số tiền 378.000.000đ là không có.

Theo lời khai bà Phạm Thị T trình bày: Công nhận lời trình bày của bà T như trên là đúng, bà có vay bà T số tiền 1.050.000.000đ vào ngày 27/6/2018, bà vay để cho người khác vay lại, không liên quan gì đến chồng bà là ông V. Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 27/6/2018 đến tháng 12/2018 bà đã trả cho bà T mỗi tháng 63.000.000đ, tổng cộng 378.000.000đ nhưng không làm giấy tờ gì. Do người vay không trả tiền cho bà nên bà chưa có tiền để trả cho bà T, hai bên đã bàn bạc, bà T lấy tài sản để cản trừ nợ, sau đó bà T lại đổi ý không lấy tài sản mà khởi kiện vợ chồng bà ra Tòa đòi tiền nên bà không đồng ý. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập họp lệ để làm việc nhưng đều vắng mặt, tại phiên tòa hôm nay cũng vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông P, bà T; bà T có trách nhiệm thanh toán trả ông P, bà T số tiền gốc 1.050.000.000đ và tiền lãi phát sinh 300.000.000đ; các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị T là bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông P, bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 27/6/2018, vợ chồng ông P, bà T có cho vợ chồng ông V, bà T vay số tiền 1.050.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi 1.500đ/1 triệu/ngày và hẹn 05 ngày sau sẽ trả. Tài liệu chứng cứ là Giấy mượn tiền bản chính ghi ngày 27/6/2018 có chữ ký ghi họ tên bà Phạm Thị T và đã được bà T thừa nhận.

[3] Mặc dù chỉ mình bà T ký giấy vay tiền nhưng nội dung vay để đáo hạn Ngân hàng nên có căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông V, bà T. Cần buộc vợ chồng ông V, bà T cùng có trách nhiệm trả.

[4] Đến hạn vợ chồng ông V, bà T không trả tiền cho ông P, bà T. Nay ông P, bà T yêu cầu vợ chồng ông V, bà T có nghĩa vụ trả số tiền gốc 1.050.000.000đ và tiền lãi trong hạn từ ngày 27/6/2018 đến 02/7/2018 là 5 ngày theo mức lãi 20%/năm thành tiền 2.916.000đ và tiền lãi quá hạn từ 03/7/2018 đến nay tính là 13 tháng theo mức lãi $20\% \times 150\%$ /năm thành tiền tính tròn là 341.250.000đ, tổng cộng tiền lãi là 344.166.000đ nhưng vợ chồng ông P, bà T giảm cho vợ chồng ông V, bà T một phần lãi chỉ tính lãi 300.000.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.350.000.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[5] Bà T cho rằng, bà vay tiền của ông P, bà T để cho người khác vay lại, không liên quan đến ông V chồng bà. Do người vay không trả được nên bà chưa có tiền trả tiền cho bà T, bà T đã thỏa thuận lấy tài sản để cầm trừ nợ, sau đó bà T lại đổi ý không lấy tài sản mà khởi kiện vợ chồng bà ra Tòa đòi tiền nên bà không đồng ý là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Bà T cho rằng, trong quá trình thực hiện hợp đồng bà đã trả cho bà T từ ngày 27/6/2018 đến tháng 12/2018 số tiền 378.000.000đ nhưng lại không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh; vợ chồng ông P, bà T không thừa nhận nên không có căn cứ xem xét.

[7] Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, bà T, cần buộc vợ chồng ông V, bà T có trách nhiệm trả cho ông P, bà T số tiền gốc là 1.050.000.000đ và tiền lãi phát sinh 300.000.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.350.000.000đ (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) là phù hợp.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch $\{1.350.000.000đ = 36.000.000đ + (550.000.000đ \times 3\%) = \}$ 52.500.000đ là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Mai Văn P, bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Phạm Thị T.

Buộc vợ chồng ông V, bà T có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông P, bà T số tiền 1.350.000.000đ. Trong đó, tiền gốc là 1.050.000.000đ và tiền lãi phát sinh 300.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự”.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng ông V, bà T phải chịu 52.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông P, bà T số tiền 25.337.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009500 ngày 17/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đới Văn Học